TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 321/2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 19 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 349/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị N T H T**,** sinh năm: 0000

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu Đ N, phường M T, t x Q Y, tỉnh Q N.

Nghề nghiệp: Công nhân.

- Bị đơn: Đ H H, sinh năm: 9999

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Tổ 0, khu H, phường C B, thành phố C P, tỉnh Q N.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T H T và anh Đ H H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N T H T và anh Đ H H cùng thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N T H T và anh Đ H H có 02 (hai) con chung là Đ H H, sinh ngày 00/0/1111 và Đ H A, sinh ngày 11/1/0000; Khi ly hôn anh Đ H H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là ĐHH, sinh 00/0/1111 và Đ H A, sinh ngày 11/1/0000cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N T H T có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N T H T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị N T H T và anh Đ H H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị N T H T tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0004745 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TA ND tỉnh Quảng Ninh;*
- *KSND TP.Cẩm Phả;*
- *Chi cục THA TP.Cẩm Phả;*
- *UBND phường Cẩm Bình, TP.Cẩm Phả;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*

THẨM PHÁN

Trương Thị Gái